



CÔNG TY TNHH SX TM QUANG TRUNG

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiên bản 8.0
Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất
09.09.2021

theo quy định (EC) số 1907/2006

Ngày in 21.09.2022

MSDS CHUNG CHO KHỐI EU- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU CỤ THỂ CHO TỪNG QUỐC GIA- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU OEL

Phần 1: Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Nhận dạng của sản phẩm

Tên sản phẩm : Acetone
Số sản phẩm : W332615
Nhãn hiệu : QuangTrungChem
Chỉ số-Số : 606-001-00-8
REACH số : 01-2119471330-49-XXXX
Số CAS : 67-64-1

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác : Các hoá chất phòng thí nghiệm, Sản xuất hóa chất định và khuyến cáo

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty : Công Ty TNHH Sx Tm Quang Trung
MST : 0317065768

Science Park Drive

#05-01/12 Ascent Building

1.4 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số Điện thoại Khẩn cấp : 09 36 38 32 35

Phần 2: Nhận dạng nguy cơ

Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại theo Quy định (EC) No 1272/2008

Chất lỏng dễ cháy (Cấp 2), H225

Kích ứng mắt (Cấp 2), H319

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn (Cấp 3), Hệ thần kinh trung ương, H336

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

Cas No. 67-64-1

Trang 1 của 13

NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY TNHH SX TM QUANG TRUNG

SỐ ĐIỆN THOẠI KHẨN CẤP: 09 36 38 32 35





Các yếu tố nhãn

Ghi nhãn theo quy định (EC) No 1272/2008

Chữ tượng hình



Lời cảnh báo Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

Các lưu ý phòng ngừa

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.

P305 + P351 + P338 **NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT:** Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và để thực hiện. Tiếp tục rửa.

P370 + P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng bột khô hoặc cát khô để dập tắt.

P403 + P235 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ sản phẩm ở nhiệt độ mát.

Các bản kê nguy cơ bổ sung (EU)

EUH066 Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.

2.3 Các nguy cơ khác

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

Phần 3: Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Công thức : C₃H₆O

Trọng lượng phân tử : 58.08 g/mol

Số CAS : 67-64-1

Số EC : 200-662-2

Chỉ số-Số : 606-001-00-8

Cas No. 67-64-1

Trang 2 của 13

NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY TNHH SX TM QUANG TRUNG

SỐ ĐIỆN THOẠI KHẨN CẤP: 09 36 38 32 35





Thành phần	Phân loại	Nồng độ	
Acetone			
Số CAS	67-64-1	Flam. Liq. 2; Eye Irrit. 2; STOT SE 3; H225, H319, H336 Giới hạn nồng độ: >= 20 %: STOT SE 3, H336;	<= 100 %
Số EC	200-662-2		
Chỉ số-Số	606-001-00-8		

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

Phần 4: Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tham vấn bác sĩ. Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

Nếu hít phải, chuyển nạn nhân ra chỗ không khí trong lành. Nếu nạn nhân ngừng thở, làm hô hấp nhân tạo.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

Rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước. Tham vấn bác sĩ.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt

Rửa sạch bằng thật nhiều nước trong ít nhất là 15 phút sau đó tham vấn bác sĩ.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

KHÔNG ĐƯỢC gây nôn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Xúc miệng bằng nước. Tham vấn bác sĩ.

4.2 Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất được mô tả trên nhãn (tham khảo Phần 2.2) và/hoặc Phần 11.

Phần 5: Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Cas No. 67-64-1

Trang 3 của 13

NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY TNHH SX TM QUANG TRUNG

SỐ ĐIỆN THOẠI KHẨN CẤP: 09 36 38 32 35





Dùng bụi nước, bọt chịu cồn, hóa chất khô hoặc cacbon dioxit.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp Carbon ôxit

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

5.4 Thông tin khác

Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mở.

Phần 6: Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Tránh hít phải hơi, hơi sương hoặc khí. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Di chuyển tất cả các nguồn gây cháy. Di tản mọi người tới các khu vực an toàn. Lưu ý hơi tích tụ có thể tạo thành các đám dễ nổ. Hơi có thể tích tụ tại nơi ẩm thấp.

Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.

6.2 Các cảnh báo về môi trường

Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn. Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

6.3 Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Kiểm chế chất tràn đổ, sau đó thu gom bằng máy hút bụi điện hoặc bằng máy quét ẩm và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định địa phương (xem phần 13).

6.4 Xem các mục khác

Để xử lý, xem phần 13.

Phần 7: Xử lý và lưu trữ

7.1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít hơi hoặc sương.

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ

Đề xa các nguồn cháy - không hút thuốc. Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa việc tích tụ điện tích tĩnh điện.

Các biện pháp vệ sinh

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

Tra cứu các biện pháp phòng ngừa trong phần 2.2.



7.2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Lưu trữ ở nơi có nhiệt độ mát. Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Các bình chứa đã mở phải được đóng gán lại cẩn thận và giữ theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ.

Lớp cất giữ

Lớp lưu trữ của Đức (TRGS 510): 3: Chất lỏng dễ cháy

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các mục đích sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không có cách sử dụng cụ thể nào khác được quy định

Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Nồng độ không gây ảnh hưởng theo dự báo (PNEC)

Môi trường	Giá trị
Đất	33.3 mg/kg
Nước biển	1.06 mg/l
Nước ngọt	10.6 mg/l
Trầm tích biển	3.04 mg/kg
Trầm tích nước ngọt	30.4 mg/kg
Hệ thống xử lý nước thải tại chỗ	100 mg/l

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt

Tấm che mặt và kính bảo hộ Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc EN 166(EU).

Bảo vệ da



Đeo găng tay khi xử lý. Găng tay phải được kiểm tra trước khi sử dụng. Sử dụng kỹ thuật tháo găng tay đúng cách (không chạm vào bề mặt bên ngoài của găng tay) để tránh da tiếp xúc với sản phẩm này. Vứt bỏ găng tay nhiễm bẩn sau khi sử dụng theo luật pháp hiện hành và thực hành tốt trong phòng thí nghiệm. Rửa và lau khô tay.

Găng tay bảo hộ được chọn phải thỏa mãn các thông số kỹ thuật theo Quy định (EU) 2016/425 và tiêu chuẩn EN 374 được xây dựng từ quy định đó.

liên hệ đầy đủ

Vật liệu: cao su butyl

Độ dày lớp tối thiểu 0.3 mm Thời gian thấm: 480 min

vật liệu được thử nghiệm Butoject® (KCL 897 / Aldrich Z677647, Cỡ M)

tiếp xúc phun

Vật liệu: cao su butyl

Độ dày lớp tối thiểu 0.3 mm Thời gian thấm: 480 min

vật liệu được thử nghiệm Butoject® (KCL 897 / Aldrich Z677647, Cỡ M)

nguồn dữ liệu: KCL GmbH, D-36124 Eichenzell, điện thoại +49 (0)6659 87300, email sales@kcl.de, phương thức thử nghiệm: EN374

Nếu dùng trong dung dịch hay trộn với các chất khác, và trong các điều kiện khác với EN 374, hãy liên hệ với nhà cung cấp găng tay đạt tiêu chuẩn EC. Khuyến cáo này chỉ mang tính chất tư vấn và phải được đánh giá bởi chuyên gia vệ sinh công nghiệp và chuyên viên an toàn nắm rõ tình hình cụ thể về việc sử dụng dự kiến của khách hàng chúng tôi. Khuyến cáo này không phải là phê duyệt cho bất kỳ tình huống sử dụng cụ thể nào.

Bảo vệ cơ thể

Quần áo không thấm., Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy., Loại thiết bị bảo hộ phải được lựa chọn tương ứng với nồng độ và số lượng chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

Bảo vệ hô hấp

Trong trường hợp đánh giá rủi ro cho thấy mặt nạ làm sạch không khí là thích hợp, hãy sử dụng mặt nạ cả mặt có tổ hợp đa năng (Hoa Kỳ) hoặc mặt nạ dạng ống loại AXBEK (EN 14387) để dự phòng cho các biện pháp kiểm soát kỹ thuật. Nếu mặt nạ là phương tiện bảo vệ duy nhất, hãy sử dụng mặt nạ cấp khí cả mặt. Sử dụng mặt nạ và các thành phần được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc CEN (EU).

Kiểm soát việc phơi nhiễm môi trường



Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn. Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Phần 9: Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Trạng thái Hình thể: thể lỏng, trong suốt

Màu sắc: không màu

Mùi đặc trưng chưa có dữ liệu

Ngưỡng mùi chưa có dữ liệu

Độ pH chưa có dữ liệu

Điểm/khoảng nóng Điểm/khoảng nóng chảy: -94 °C - tliệu.
chảy/đông đặc

Điểm sôi/khoảng sôi 56 °C ở 1,013 hPa

Điểm cháy -17.0 °C - cốc kín

Tỷ lệ hóa hơi chưa có dữ liệu

Khả năng bắt cháy chưa có dữ liệu
(chất rắn, khí)

Giới hạn trên/dưới của Giới hạn trên của cháy nổ: 13 %(V) tính dễ cháy hoặc dễ nổ Giới hạn dưới của cháy nổ:
2 %(V)

Áp suất hóa hơi 400.0 mmHg ở 39.5 °C
184.0 mmHg ở 20.0 °C

Mật độ hơi chưa có dữ liệu

Mật độ 0.791 g/cm³ ở 25 °C - tliệu.

Tỷ trọng tương đối chưa có dữ liệu

Độ hòa tan trong nước có thể pha trộn hoàn toàn

Hệ số phân tán: n- log Pow: -0.24 octanol/nước

Nhiệt độ tự bốc cháy 465.0 °C

Nhiệt độ phân hủy chưa có dữ liệu

Độ nhớt Độ nhớt, động học: chưa có dữ liệu

Độ nhớt, động lực: chưa có dữ liệu

Đặc tính cháy nổ chưa có dữ liệu

Đặc tính ôxy hóa chưa có dữ liệu

9.2 Thông tin an toàn khác

Cas No. 67-64-1

Trang 7 của 13

NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY TNHH SX TM QUANG TRUNG

SỐ ĐIỆN THOẠI KHẨN CẤP: 09 36 38 32 35





Sức căng bề mặt 23.2 mN/m ở 20.0 °C

Phần 10: Tính ổn định và tính phản ứng

Khả năng phản ứng chưa có dữ liệu

Tính ổn định

Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.

Phản ứng nguy hiểm chưa có dữ liệu

Các điều kiện cần tránh Nhiệt, lửa và tia lửa.

Vật liệu không tương thích

Bazơ, Chất oxy hóa, Các chất khử, Aceton phản ứng mạnh với phốt pho oxyclorua.

Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy xem phần 5 Trong trường hợp hỏa hoạn: xem phần 5

Phần 11: Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc cấp tính

LD50 Đường miệng - Chuột - con cái - 5,800 mg/kg

Ghi chú: (ECHA)

LC50 Hít phải - Chuột - 4 h - 76 mg/l

Ghi chú: Bất tỉnh

Buồn ngủ

Chóng mặt

(MSDS bên ngoài)

LD50 Da - Thỏ - 20,000 mg/kg

Ghi chú: IUCLID)

Ăn mòn/kích ứng da

Da - Thỏ

Cas No. 67-64-1

Trang 8 của 13

NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY TNHH SX TM QUANG TRUNG

SỐ ĐIỆN THOẠI KHẨN CẤP: 09 36 38 32 35





Kết quả: Kích ứng da nhẹ - 24 h

(Thử nghiệm Draize)

Ghi chú: (RTECS)

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Mắt - Thỏ

Kết quả: Kích ứng mắt - 24 h

(Thử nghiệm Draize)

Ghi chú: (RTECS)

Kích thích hô hấp hoặc da

Thử nghiệm cực đại - Chuột lang

Kết quả: Không phải là chất gây mẫn cảm da

Ghi chú: (ECHA)

Phơi nhiễm thường xuyên có thể gây viêm da.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Loại kiểm nghiệm: Chất gây đột biến (kiểm tra tế bào động vật có vú): đột biến thể nhiễm sắc.

Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473

Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames

Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium



Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm

Hệ thống thử nghiệm: Thử nghiệm ung thư hạch bạch huyết trên chuột

Sự hoạt hóa trao đổi chất: không kích hoạt trao đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476

Kết quả: Âm tính

Tác nhân gây ung thư chưa có dữ liệu

Độc tính sinh sản chưa có dữ liệu

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn

Hít phải - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt. - Ảnh hưởng của thuốc

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại chưa có dữ liệu

Nguy hại hô hấp chưa có dữ liệu

11.2 thông tin thêm

RTECS: AL3150000

Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, các đặc tính hóa học, vật lý, và độc tính chưa được nghiên cứu kỹ.

Sau khi hấp thụ:

Đau đầu

Tiết nước bọt Buồn nôn

Nôn mửa Chóng mặt mê man

Hôn mê

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Thận - Bất thường - Dựa vào Kết quả ở Người

Da - Viêm da - Dựa vào Kết quả ở Người



Phần 12: Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Độc đối với cá Thử nghiệm chảy LC50 - Pimephales promelas (cá tuế đầu to) - 6,210 mg/l - 96h
(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203)

Độc tính đối các loài Thử nghiệm tĩnh LC50 - Daphnia pulex (Bọ nước) - 8,800 mg/l - 48 h
giáp xác và các động Ghi chú: (ECHA)
vật không xương sống
thủy sinh khác

Độc đối với tảo Thử nghiệm tĩnh NOEC - M.aeruginosa - 530 mg/l - 8 d
(DIN 38412)
Ghi chú: (nồng độ chất độc tối đa được phép)
IUCLID)

Độc tính đối với vi khuẩn Thử nghiệm tĩnh EC50 - Than hoạt tính - 61.15 mg/l - 30 min
(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209)

12.2 Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tính phân hủy sinh học hiếu khí - Thời gian phơi nhiễm 28 d

Kết quả: 91 % - Dễ phân hủy sinh học. (OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B)

Nhu cầu Oxy Sinh hoá 1,850 mg/g
(BOD) Ghi chú: IUCLID)

Nhu cầu Oxy Hoá học 2,070 mg/g
(COD) Ghi chú: IUCLID)

Nhu cầu oxy lý thuyết 2,200 mg/g Ghi
chú: (Lít)

12.3 Khả năng tích lũy sinh học Không tích lũy sinh học

12.4 Độ linh động trong đất chưa có dữ liệu



12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

12.6 Các tác hại khác

Phần 13: Các lưu ý về tiêu hủy

13.1 Các phương pháp xử lý chất thải

Sản phẩm

Đốt trong lò đốt hóa chất được trang bị buồng đốt sau và máy lọc nhưng phải hết sức cẩn thận khi đốt cháy vì vật liệu này rất dễ cháy. Đưa ra các giải pháp mở rộng và không tái chế cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép.

Bao bì nhiễm độc

Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.

Phần 14: Thông tin vận chuyển

14.1 Số hiệu UN

ADR/RID: 1090 IMDG: 1090 IATA: 1090

14.2 Tên vận chuyển đường biển ADR/RID: ACETONE

IMDG: ACETONE IATA: Acetone

14.3 (Các) nhóm nguy cơ về vận chuyển

ADR/RID: 3 IMDG: 3 IATA: 3

14.4 Nhóm hàng

ADR/RID: II IMDG: II IATA: II

14.5 Các nguy cơ ảnh hưởng môi trường

ADR/RID: không IMDG Chất ô nhiễm đại dương: IATA: không

không

14.6 Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý chưa có dữ liệu



Phần 15: Thông tin pháp luật

15.1 Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Phiếu dữ liệu an toàn này tuân theo yêu cầu của Châu Âu số 1907/2006 (REACH).

Luật pháp quốc gia

Seveso III: Chỉ thị 2012/18/EU của Quốc hội Châu Âu và : CÁC CHẤT LỎNG DỄ CHÁY Hội đồng kiểm soát rủi ro tai nạn lớn liên quan đến các chất nguy hiểm

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đã tiến hành Đánh giá An toàn Hóa chất cho chất này.

Phần 16: Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

EUH066	Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.
H225	Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H336	Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

Thông tin khác

Bản quyền 2022 của Công Ty TNHH SX Tm Quang Trung. Giấy phép được cấp để tạo nhiều bản sao bằng giấy cho mục đích sử dụng nội bộ.

Các thông tin trên được cho là chính xác nhưng không có nghĩa là bao gồm tất cả và chỉ được sử dụng như một hướng dẫn. Thông tin trong tài liệu này dựa trên hiểu biết hiện tại chúng tôi và được áp dụng cho sản phẩm về các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp. Thông tin này không phải là bảo đảm cho các đặc tính của sản phẩm. QuangTrungChem và các Chi nhánh sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do quá trình xử lý hoặc do tiếp xúc với sản phẩm trên. Xem www.quangtrungchem.com.vn và/hoặc mặt sau của hóa đơn hoặc phiếu giao hàng để biết thêm các điều khoản và điều kiện bán hàng.

Cách xây dựng thương hiệu ở đầu trang hoặc cuối trang của tài liệu này có thể tạm thời không phù hợp trực quan với sản phẩm được mua khi chúng tôi chuyển đổi thương hiệu của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong tài liệu liên quan đến sản phẩm vẫn không thay đổi và phù hợp với sản phẩm được đặt hàng. Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ hoachatquangtrung@gmail.com.